

*
Số -KH/ĐU

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt là Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW); Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Kế hoạch hành động số 359-KH/TU), Ban Thường vụ Đảng ủy xã Thiện Tín xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện sâu rộng, toàn diện các nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU, nhằm bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị ở địa phương nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của xã, có đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xã; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững quốc phòng - an ninh.

- Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU thành các mục tiêu, quy hoạch, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của xã. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của xã, xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

dựa trên lợi thế của xã (nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch,...); thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

- Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp phù hợp với thực tiễn của xã.

- Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

2. Yêu cầu

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng.

- Người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, các phòng, ban, đơn vị cần bám sát chức năng, nhiệm vụ của mình để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của xã và các ngành theo từng năm và từng giai đoạn. Xác định người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chú trọng, chủ động triển khai, quán triệt, kịp thời nắm bắt các dự án khoa học của tỉnh, nhất là Sở Khoa học – Công nghệ, các đề án, công trình của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy để học hỏi, ứng dụng có hiệu quả thực tiễn địa phương; đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước phù hợp với yêu cầu thực tiễn, giải quyết những vấn đề bức xúc, cấp bách, tạo sự chuyển biến trong tình hình mới.

- Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của xã chủ động nghiên cứu, học tập và đẩy mạnh việc ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào thực tiễn để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động này.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế xã thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất lao động, giá trị sản xuất, thu nhập bình quân đầu người, góp phần tăng trưởng GRDP của tỉnh Quảng Ngãi.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp trong Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, lực lượng đoàn viên, thanh niên;

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết với các địa phương, các cơ quan, đơn vị về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 40\%$.

- Có $\geq 40\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 0,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 1% tổng giá trị sản xuất.

- Có $\geq 80\%$ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 70% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 70% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo

hiếm, giao thông.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý giao thông, thiên tai nhằm nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Thành lập Câu lạc bộ “Khoa học – Sáng tạo – Khởi nghiệp” xã Thiện Tín.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,60$.
- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có $\geq 70\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có $\geq 80\%$ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 85\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID.
- Đảng ủy, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức thành viên sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử; phấn đấu có tỷ lệ quy mô kinh tế số trong tổng giá trị sản xuất của xã.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã đạt 100%.
- 90% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 1\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2% tổng giá trị sản xuất.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
- Ứng dụng AI, IoT, ... trong quản lý môi trường, sản xuất, kinh doanh, thiên tai, giao thông nâng cao chất lượng sống người dân.
- Thành lập “Tổ tư vấn” phát triển khoa học công nghệ (năm 2026).

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có sản phẩm nghiên cứu khoa học để đăng trên báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Phát huy hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ “Khoa học – Sáng tạo – Khởi nghiệp” xã Thiện Tín.
- Có tham gia sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,75$.
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp hoạt động tại địa phương có ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.

- Đảng ủy, chính quyền, UBMTTQ và các cơ quan thành viên sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Quy mô kinh tế số đạt 0,5% tổng giá trị sản xuất.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

3.3. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 1,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2,5% tổng giá trị sản xuất.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 8 cán bộ tham gia nghiên cứu các dự án khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Phần đầu có công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh/quốc gia/khu vực.

- Nghiên cứu ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, giao thông, thiên tai, sản xuất, kinh doanh,... nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn xã.

- Có nguồn nhân lực của xã tham gia vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Có $\geq 20\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Có dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách.
- Có sản phẩm nghiên cứu khoa học đăng trên báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có sáng kiến trong khu vực công được công nhận cấp tỉnh.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số của xã $\geq 0,85$.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh và Trung ương.
- 100% dữ liệu của các cơ quan, đơn vị được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP (*Trực tích hợp dữ liệu*).
- Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp ở địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.
- Thiết lập hệ điều hành thông minh kết nối với trung tâm của tỉnh, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức thành viên thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Quy mô kinh tế số đạt 25% tổng giá trị sản xuất.

4.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng: Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 2,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% tổng giá trị sản xuất.
- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có cán bộ, công chức, người lao động tham gia công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Thu hút đội ngũ lao động có chất lượng về khoa học, kỹ thuật, công nghệ làm việc tại xã.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 02 cán bộ, công chức, viên chức tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Có ít nhất 01 doanh nghiệp tham gia trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Phân đầu có ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu (trong giai đoạn 2035 – 2040).

- Có $\geq 20\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ các dự án, đề tài khoa học công nghệ áp dụng trong sản xuất/kinh doanh.

- Có tác giả tham gia các công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh/quốc gia/khu vực.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, giao thông, thiên tai, sản xuất, kinh doanh,...nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có ít nhất 01 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp trên địa bàn có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có ít nhất 04 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách.

- Mỗi năm có công trình nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo được đăng lên báo, tạp chí khoa học, công nghệ.

- Hàng năm có công trình sáng kiến trong khu vực công được công nhận cấp tỉnh.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,90$.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp hoạt động tại địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.
- Trung tâm điều hành thông minh của xã thực sự đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.
- 100% đảng ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức thành viên sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Kinh tế số đạt 35% tổng giá trị sản xuất.

4.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng: Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% tổng giá trị sản xuất.
- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).
- Phát huy hiệu quả hoạt động của “Tổ tư vấn” và Câu lạc bộ “Khoa học – Sáng tạo – Khởi nghiệp”.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 10 cán bộ, công chức, viên chức tham gia trong các đề tài, dự án

nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các dự án, đề tài khoa học công nghệ của tỉnh.

- Duy trì hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khoa học và công nghệ
- Mỗi năm có ≥ 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt cấp tỉnh triển khai.
- Có dự án, đề tài khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Hàng năm có ít nhất 01 đề tài sáng chế hữu ích được đăng ký sở hữu trí tuệ.
- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ các dự án, đề tài khoa học công nghệ áp dụng trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có công trình nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo được đăng lên báo, tạp chí về khoa học, công nghệ.
- Hàng năm có công trình sáng kiến trong khu vực công được công nhận cấp tỉnh/quốc gia/khu vực.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 02 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động hiệu quả trên địa bàn xã.
- Mỗi năm có ít nhất 02 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo triển khai thực hiện.
- Có $\geq 35\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm ≥ 01 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có công trình nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo được đăng lên báo, tạp chí khoa học, công nghệ.
- Có $\geq 35\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Hàng năm có công trình sáng kiến trong khu vực công được công nhận cấp tỉnh/quốc gia/khu vực.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã đạt 1,0.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa & liên thông với tỉnh và Trung ương.
- 100% dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong khu vực công được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- 100% doanh nghiệp kinh doanh tại địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.
- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.
- Phát triển, kết nối trung tâm điều hành thông minh của tỉnh giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.
- Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.
- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.
- Kinh tế số đạt 50% tổng giá trị sản xuất.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Thiện Tín, đồng chí Bí thư Đảng ủy xã là Trưởng Ban; Văn phòng Đảng ủy xã là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; thành lập Tổ

giúp việc của Ban Chỉ đạo; thực hiện cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy.

- Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết 57-NQ/TW; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Kế hoạch hành động số 359-KH/TU và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU gắn với thực tiễn của địa phương.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Tiếp nhận, xây dựng tài liệu, cảm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...) để cấp, phát cho cán bộ và Nhân dân nghiên cứu, học hỏi.

- Mời chuyên gia có năng lực, kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

- Người đứng đầu cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hành động cụ thể. Kế hoạch hành động cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045 (*Tập trung các chỉ tiêu về số lượng đề tài, dự án ứng dụng KH&CN; doanh nghiệp KH&CN; sáng kiến; tỉ lệ đóng góp của TFP, PII (tỷ lệ đóng góp của TFP (Năng suất các yếu tố tổng hợp) và PII (đóng góp của các yếu tố đầu vào như vốn và lao động); dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; tỷ lệ dân số có tài khoản định danh điện tử; số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số...*). Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU

Người đứng đầu cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải đưa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, địa phương. Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Phối hợp với các cơ quan báo chí của tỉnh và các cơ quan báo chí đóng trên địa bàn tỉnh; trang thông tin các sở, ban ngành và của xã để truyền thông, phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (công thông tin, bản tin ...) về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Thực hiện bộ quy tắc của tỉnh về ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục các hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức trên không gian mạng.

3. Đảm bảo các nguồn lực để thực hiện

- Trên cơ sở cơ chế, chính sách của tỉnh và Trung ương chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng... thuộc thẩm quyền của địa phương để khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã giai đoạn 2025 - 2045, tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biên tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

- Kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

- Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Phân đầu tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, các trường. Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

- Đề xuất đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

4. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã theo Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

5. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số xã

- Trên cơ sở các Kế hoạch chiến lược về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi qua từng năm, giai đoạn; UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cho từng năm, giai đoạn 05 năm, 10 năm, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đến năm 2045; bao gồm các nhóm lĩnh vực chính gồm phát triển hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, dữ liệu số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Đề xuất mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, 6G, cáp quang) đến các vùng trên địa bàn xã; tăng dung lượng kênh truyền trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cho cơ quan Đảng, nhà nước; tăng dung lượng kênh truyền internet cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

- Tập trung các hoạt động chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước; tăng dần hàm lượng hoạt động của cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu; thường xuyên rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, thúc đẩy cải cách hành chính; tăng tỷ lệ liên thông dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, nhà nước, các đơn vị sự nghiệp giữa các cấp; phát triển hàm lượng và tần suất cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế từ nguồn dữ liệu cơ quan nhà nước để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tăng tỷ lệ giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức và người dân thông qua môi trường số, từng bước thiết lập công cụ để doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia vào hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn thuộc xã.

- Tham gia hỗ trợ hoạt động thu thập, lưu trữ, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu theo mô hình trung tâm điều hành thông minh, triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) nhằm từng bước tăng cường thông tin, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Đảng, nhà nước, xử lý phản ánh thông tin từ doanh nghiệp, tổ chức và công dân theo thời gian thực hiện.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (*quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...*); triển khai chương trình đo lường, xác định chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp để thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo chương trình của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Đề xuất phát triển hạ tầng di động và internet ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; tăng thông lượng và tiêu dùng băng rộng trên địa bàn để phát triển xã hội số và góp phần tăng trưởng tổng thu ngân sách theo địa bàn. Phát triển thanh toán số, tổ chức mô hình chợ trực tuyến theo từng địa bàn để thúc đẩy kinh tế số; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số nhằm gia tăng giao dịch số và an toàn an ninh trong giao dịch của người dân; triển khai thường xuyên mô hình “Bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua mô hình MOOCs (*đào tạo từ xa*); chú trọng thực hiện chiến lược “học tập suốt đời”.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn xã, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. Thiết lập các công cụ thu thập dữ liệu từ các nguồn, thực hiện phân tích, chuẩn hóa, lưu trữ, dán nhãn dữ liệu, là cơ sở để sử dụng các công nghệ về dữ liệu, phục vụ hoạt động hoạch định chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Đưa nội dung, chỉ tiêu về chuyển đổi số vào tiêu chí thi đua, bình xét đánh giá, khen thưởng năm, nhiệm kỳ hoặc các phong trào do các cấp, các ngành phát động.

6. Xây dựng phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

- Thành lập câu lạc bộ “Khoa học – Sáng tạo – Khởi nghiệp” và “Tổ tư vấn khoa học công nghệ” kết nối các bạn trẻ, các chuyên gia, những người có trình độ năng lực, kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đề tư vấn về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; sáng tạo, khởi nghiệp.

- Kết nối chặt chẽ với các sở ngành của tỉnh, tranh thủ các dự án khoa học, công nghệ, các nguồn vốn về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Thành lập quỹ khởi nghiệp nhằm hỗ trợ, tạo động lực, khuyến khích phong trào khởi nghiệp trên địa bàn xã; hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn...

- Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo; tăng cường năng lực và kỹ năng cho cán bộ; ứng dụng công nghệ và dữ liệu mở; đơn giản hóa thủ tục hành chính

nội bộ để tạo không gian cho sáng tạo; hợp tác với startup để triển khai giải pháp sáng tạo trong cung cấp dịch vụ công.

7. Xây dựng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đến năm 2045

- Trên cơ sở cơ chế, chính sách của Tỉnh và Trung ương; thực hiện thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng kế hoạch cử cán bộ, công chức tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn do tỉnh tổ chức; đồng thời tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...)

- Lồng ghép trong các chương trình đào tạo nghề nông thôn, triển khai phổ biến về ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Tham gia cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn tỉnh về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Bố trí cán bộ chuyên trách về ứng cứu, xử lý sự cố về an ninh mạng của xã; cử cán bộ, công chức của xã tham gia các tổ, nhóm ứng cứu sự cố về an ninh mạng của tỉnh.

- Thực hiện nghiêm về bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng theo hướng dẫn của sở, ngành cấp trên.

- Phối hợp cơ quan phụ trách an ninh mạng của tỉnh tổ chức kiểm tra; diễn tập phòng chống tấn công mạng.

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan của tỉnh (Công an, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

9. Đẩy mạnh hợp tác

- Đẩy mạnh phối hợp với các sở ngành của tỉnh nhất là Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời tiếp nhận những dự án, kết quả nghiên cứu để triển khai ứng dụng tại địa phương; bên cạnh đó tranh thủ các dự án, đề tài khoa học, kết quả nghiên cứu của các sở, ngành để tổ chức thực hiện thí điểm, triển khai tại địa phương.

- Chú trọng tham gia các sự kiện triển lãm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm gặp gỡ giao lưu với các chuyên gia, nhà khoa học các doanh nghiệp, tạo kết nối hỗ trợ các dự án khoa học, công nghệ để ứng dụng, triển khai tại xã.

- Tăng cường kết nối, hợp tác, giao lưu với các xã, phường trên địa bàn tỉnh, nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời đề xuất có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập Tổ kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị của địa phương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trên địa bàn xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo xã

- Chỉ đạo chung: Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU và ban hành các kế hoạch, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy: Kịp thời đề xuất, tham mưu về giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát

hàng năm hoặc đột xuất tại các cơ quan, đơn vị; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (03 tháng, 06 tháng, năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của Thường trực Đảng ủy xã

- Chỉ đạo, định hướng chung: Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ đạo, các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các cấp ủy tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động này; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề khó khăn, vướng mắc liên quan trong quá trình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU và Kế hoạch hành động này.

- Quyết định các vấn đề quan trọng: Chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi của cấp trên và tình hình thực tế tại địa phương.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm: Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động này.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

3. Trách nhiệm UBND xã

- Xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức

năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Nghiên cứu những cơ chế, chính sách của tỉnh, Trung ương có giải pháp khuyến khích, huy động nguồn lực: đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trên địa bàn xã.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Đảng ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch hành động nếu thấy cần thiết.

4. Trách nhiệm của các chi bộ trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù của chi bộ trên Kế hoạch hành động chung; tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU và Kế hoạch hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong địa bàn xã.

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp xã; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tiến hành.

- Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

5. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy

- Văn phòng Đảng ủy: Thực hiện vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo, bố trí cán bộ có am hiểu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã theo giai đoạn 5 năm, 10 năm, tầm nhìn đến năm 2045, trình Ban Chỉ đạo ban hành, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân xã trong công tác tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo và theo quy chế làm việc của các Đảng ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Xây dựng Đảng: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có năng lực, trình độ về khoa

học, công nghệ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU và Kế hoạch hành động này; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ thông qua các tài liệu hướng dẫn của cấp trên và sinh hoạt chi bộ theo định kỳ và chuyên đề.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ủy: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Đảng ủy.

6. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU và Kế hoạch hành động này.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo tỉnh).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban nhân dân, các cơ quan, đơn vị, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Đảng ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hàng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết,

tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn xã; đề xuất cấp tỉnh, Trung ương khen thưởng, biểu dương theo quy định.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Trên cơ sở các quy định về ngân sách của cấp có thẩm quyền thực hiện phân bổ và sử dụng ngân sách linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Văn phòng Tỉnh ủy (b/c),
- UBND tỉnh (b/c),
- Văn phòng UBND tỉnh (b/c),
- Sở Khoa học – Công nghệ,
- Thường trực Đảng ủy,
- TT HĐND, UBND xã,
- MTTQVN và các tổ chức CT-XH xã,
- Các đ/c Đảng ủy viên,
- Các chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã,
- Chánh VP, Phó Chánh VPĐU,
- Lưu VP Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Thành